

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 01 – 2024

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Thủy.

2. Ông Trần Quang Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Kim S, sinh năm 1990.

Địa chỉ HKTT: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Chị Lê Thị Kim S, anh Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Lê Thị Kim S trình bày:**

Về hôn nhân: Chị S và anh H được cha mẹ hai bên mai mối rồi tự tìm hiểu, sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2010 tại UBND thị trấn T. Sau khi cưới thì chị S và anh

H về chung sống với cha mẹ anh H tại số F, khóm T, thị trấn T, huyện T. Trong quá trình chung sống thì anh H không có phụ cấp tiền cho chị S nuôi con và gia đình. Đầu năm 2021, khi chị S về lại huyện T do có đợt dịch bệnh C thì gia đình chồng không cho chị S sinh sống tại nhà chồng về nên chị S về bên cha mẹ chị S tại ấp T, xã T, huyện T sinh sống đến nay. Khi về bên cha mẹ chị S thì anh H có sống chung với chị S, nhưng không có phụ cấp gia đình và đưa rước, chăm sóc con, cũng không có đưa tiền cho chị S nuôi con. Khoảng giữa năm 2023, anh H tự đi đi về về mà không thông báo cho chị S biết. Mỗi khi trao đổi thì anh H nói chị S làm đơn ly hôn, do anh H đã nói việc ly hôn nhiều lần, đồng thời chị S không có ý định hàn gắn và không còn tình cảm với anh H nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị S và anh H có con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/6/2011, Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/8/2015. Chị S yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu P, cháu V đến khi cháu P, cháu V mỗi cháu đủ 18 tuổi và chị S không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu P, cháu V đang sống chung với chị S. Chị S đang làm công việc mua bán rau tại chợ thị trấn T, huyện T, mỗi ngày thu nhập từ 200.000 đồng – 500.000 đồng; thu nhập này đủ để chị S sinh sống và nuôi các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh H và chị S được mai mối, sau đó tự nguyện tìm hiểu khoảng 05 tháng thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2010 tại UBND thị trấn T. Sau khi cưới thì anh H và chị S về chung sống với cha mẹ anh H tại số F, khóm T, thị trấn T. Trong quá trình chung sống từ năm 2010 đến năm 2020 thì vợ chồng không có mâu thuẫn. Đầu năm 2021, do dịch bệnh C nên chị S và hai con về bên cha mẹ ruột chị S sinh sống, sau đó thì chị S không về nhà cha mẹ anh H nữa. Anh H có đi lại thăm chị S và hai con. Sau khi về sống tại huyện T từ đầu năm 2021, do anh H không làm ăn được nên không có đưa tiền cho chị S nuôi con và gia đình đến nay; ngoài ra anh H cũng không có đưa rước, chăm sóc các con cùng với chị S. Từ giữa năm 2023 đến nay thì tình cảm giữa anh H và chị S càng lợt lạt, nên anh H không còn ý định muốn hàn gắn với chị S. Do đó, chị S yêu cầu ly hôn thì anh H thống nhất ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh H thống nhất trình bày của chị S về việc anh chị có hai con chung nêu trên. Khi ly hôn anh H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/6/2011 đến khi cháu P đủ 18 tuổi, anh H không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Anh H thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/8/2015 cho chị S được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu V đủ 18 tuổi và anh H không thống nhất cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu P, cháu V đang sống chung với chị S. Anh H đang làm hồ được khoảng 01 tháng, thu nhập trung bình 01 tháng là 9.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim S. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S và anh H. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/6/2011, Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/8/2015 cho chị S được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu P, cháu V mỗi cháu thành niên đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng cho con do chị S không có yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Trích lục khai sinh của Nguyễn Văn P; Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Tường V (Bản sao);
- Bản tự khai ngày 21/12/2023 của Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Tường V (Bản chính);
- Biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đối với chị Lê Thị Kim S, anh Nguyễn Văn H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim S yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H; anh Nguyễn Văn H thống nhất ly hôn với chị Lê Thị Kim S.

Hôn nhân giữa anh H và chị S được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa chị S yêu cầu ly hôn với anh H, anh H thống nhất ly hôn với chị S.

Tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải việc ly hôn*”.

Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị S là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Chị S và anh H xác định anh chị có hai con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/6/2011, Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/8/2015. Chị S yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu P, cháu V đến khi cháu P, cháu V mỗi cháu đủ 18 tuổi và chị S không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu P đến khi cháu P đủ 18 tuổi, anh H không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Anh H thống nhất giao cháu V cho chị S được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu V đủ 18 tuổi và anh H không thống nhất cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/8/2015 thì chị S và anh H thống nhất giao cháu V cho chị S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng cho cháu V do chị S không có yêu cầu; đồng thời, cháu V cũng có văn bản ghi nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị S. Đối với cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/6/2011 thì hiện nay chị S đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; từ đầu năm 2021 đến nay, chị S đã làm tròn nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và cho cháu P đi học; chị S đang làm công việc mua bán rau tại chợ thị trấn T, có thu nhập ổn định từ 200.000 đồng – 500.000 đồng mỗi ngày, đủ để sinh sống và nuôi các con. Mặt khác, cháu P đã trên 07 tuổi, có văn bản ghi nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị S; cháu P đã sống chung với chị S và cháu V từ đầu năm 2021 đến nay, nên không cần thiết làm thay đổi hoàn cảnh sống ổn định của cháu P. Đối với anh H, từ đầu năm 2021 đến nay, anh H đóng góp tiền để nuôi con, cho con đi học và dành thời

gian chăm sóc con là rất ít.

Khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu P, cháu V như đã phân tích, đồng thời xem xét nguyện vọng của cháu P, cháu V, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu P, cháu V của chị S; không chấp nhận yêu cầu nuôi cháu P của anh H; chấp nhận sự tự nguyện của anh H giao cháu V cho chị S, là phù hợp theo quy định của pháp luật; anh H không phải cấp dưỡng cho cháu P, cháu V do chị S không có yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Kim S và anh Nguyễn Văn H xác định tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim S.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim S và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 27/6/2011, Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/8/2015 cho chị Lê Thị Kim S

được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Văn P, cháu Nguyễn Thị Tường V mỗi cháu thành niên đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Văn P, cháu Nguyễn Thị Tường V do chị Lê Thị Kim S không có yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị Kim S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Nguyễn Văn H.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Kim S và anh Nguyễn Văn H không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Kim S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004355 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị S đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 08/01/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND TT. Thanh Bình (Đăng ký kết hôn số 98, quyền I/2010, ngày 31/8/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Thùy Trang**